

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 25 – 8 - 2020  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Mận.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Thế Hà;
2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị **Huỳnh Thị Thanh N**, sinh năm: 1983; địa chỉ: tổ 5, khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận;

Chỗ ở hiện nay: khu phố 7, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Bình Thuận.

**Bị đơn:** Anh **Lê Thanh H**, sinh năm: 1978; địa chỉ: tổ 5, khu phố T, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận;

Chỗ ở hiện nay: khu phố L1, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa chị N có mặt, anh H đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2020, bản tự khai, tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, chị Huỳnh Thị Thanh N trình bày:*

- *Về hôn nhân:* Chị N và anh Lê Thanh H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Chị N và anh H chung sống với nhau với nhau được 04 năm. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung sống hạnh phúc với nhau nhưng đến năm 2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bắt đầu thời điểm chị N sinh người con đầu vào năm 2016, anh H không có trách nhiệm với gia đình cả về vấn đề tài chính cũng như không quan tâm, chăm sóc đến vợ con mà thường xuyên đi nhậu, đập phá đồ đạc trong nhà. Một thời gian sau vợ chồng hòa thuận và tiếp tục sinh người con thứ hai vào năm 2018, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn với những nguyên nhân trên. Chị N nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên đầu năm 2019 đã tự về nhà mẹ ruột tại thị trấn Đ, huyện Đ1 sinh sống cho đến nay. Nay chị N không còn tình cảm với anh H nữa và yêu cầu được ly hôn với anh Lê Thanh H.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 người con chung: Lê An N1, sinh ngày 05/10/2016 và Lê An N2, sinh ngày 29/5/2018. Hiện các con đang ở cùng với chị N. Chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con N1 và N2, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi 02 con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi thành niên.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tài liệu, chứng cứ chị N cung cấp kèm theo đơn khởi kiện gồm:* sổ hộ khẩu và 02 chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Thị Thanh N và Lê Thanh H (bản sao); 02 trích lục khai sinh (bản sao) và 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

*Theo biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Thanh H trình bày như sau:*

- *Về hôn nhân:* Anh H và chị Huỳnh Thị Thanh N tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng chung sống với nhau đến nay khoảng 05 năm. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận với nhau, không có mâu thuẫn gì lớn nhưng khoảng 01 năm thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do chị N làm ăn gây ra nợ nần, anh H đi nhậu về nhắc chuyện nợ nần của chị N thì vợ chồng cãi vã nhau, sau đó chị N tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột tại huyện Đ1 sinh sống. Chị N còn tự ý bán căn nhà của anh H tạo lập (căn nhà vợ chồng trước đây cùng chung sống) cho người khác để trừ nợ nên hiện nay anh H không còn chỗ ở mà ở nhà người thân tại khu phố Lạc Hà, thị trấn L, huyện T, Bình Thuận. Ngoài nguyên nhân trên thì vợ chồng không còn nguyên nhân nào khác. Nay chị N có yêu cầu ly hôn thì anh H đồng ý ly hôn với chị N.

- *Về con chung:* Anh H và chị N có 02 người con chung: Lê An N1, sinh ngày 05/10/2016 và Lê An N2, sinh ngày 29/5/2018. Hiện các con đang chung sống với chị N tại thị trấn Đ, huyện Đ1. Đối với yêu cầu con chung của chị N, anh H không đồng ý mà có nguyện vọng mỗi người nuôi một người con, anh H yêu cầu được nuôi cháu N1, giao cho chị N nuôi cháu N2, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H không đồng ý cấp dưỡng nếu chị N giành nuôi 02 con vì thu nhập hiện của anh H khoảng 5 – 6 triệu/tháng nên không đủ điều kiện để cấp dưỡng. Mặt khác, chị N thường hay la cà quán xá nên anh H sẽ không đồng ý đưa tiền cấp dưỡng cho chị N nuôi con mà anh H có điều kiện sẽ tự lo cho các con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm*: sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân (bản sao); 02 trích lục khai sinh (bản sao) và 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn; bản tự khai của nguyên đơn, biên bản lấy lời khai của bị đơn; biên bản xác minh, biên bản làm việc và đơn từ chối tham gia hòa giải do Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án.

*Các tình tiết mà các bên đã thống nhất với nhau*: Về hôn nhân, chị N có yêu cầu ly hôn, anh H đồng ý ly hôn với chị N; về tài sản chung, nợ chung: chị N và anh H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Các tình tiết mà các bên không thống nhất với nhau*: Về con chung: chị N có yêu cầu nuôi dưỡng 02 người con chung, anh H không đồng ý giao 02 con cho cho chị N nuôi dưỡng mà có yêu cầu mỗi người nuôi một người con.

*Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, phát biểu ý kiến như sau*:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh N đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ đương sự theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Lê Thanh H không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật dân sự tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 203, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án để tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Thanh N và anh Lê Thanh H.

Về con chung: Giao cho chị Huỳnh Thị Thanh N có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con tên là Lê An N1, sinh ngày 05/10/2016 và Lê An N2, sinh ngày 29/5/2018 cho đến khi thành niên.

Anh Lê Thanh H được thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét trong vụ án này là phù hợp quy định của pháp luật.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thanh N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### *[1] Về thẩm quyền:*

Xét yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Huỳnh Thị Thanh N, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### *[2] Về tố tụng:*

Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho anh Lê Thanh H lần thứ nhất nhưng anh H vắng mặt và đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp.

#### *[3] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Huỳnh Thị Thanh N:*

Xét yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Thanh N đối với anh Lê Thanh H.

Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Huỳnh Thị Thanh N và anh Lê Thanh H tự nguyện tìm hiểu đi tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng đến năm 2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không có trách nhiệm về vấn đề tài chính trong gia đình, không quan tâm đến vợ con mà thường xuyên đi nhậu về kiếm chuyện gây gổ; trong khi đó, anh H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn chính là do chị N gây ra nợ nần, phải bán nhà của anh H cần trả nợ cho người khác, anh H thừa nhận đi nhậu về có lời qua tiếng lại với chị N dẫn đến vợ chồng bất hòa, cãi vã và từ đó chị N tự ý bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ đầu năm 2019 cho đến nay.

Chị N và anh H đều nhận thấy tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, thời gian sống ly thân, cả chị N và anh H đều không còn tình cảm với nhau, không ai còn quan tâm, chăm sóc cũng như liên lạc với nhau. Xét thấy, hiện tại mâu thuẫn giữa chị N và anh H đã trở nên trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn tình cảm hay sự quan tâm đối với nhau và đều có nguyện vọng ly hôn nên cần xử cho chị Huỳnh Thị Thanh N được ly hôn với anh Lê Thanh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

#### *Về con chung:*

Chị Huỳnh Thị Thanh N có yêu cầu nuôi dưỡng hai người con chung tên là Lê An N1, sinh ngày 05/10/2016 và Lê An N2, sinh ngày 29/5/2018 cho đến khi thành niên và tại phiên tòa, chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng; Anh H không đồng ý giao cả hai người con cho chị N nuôi mà có nguyện vọng được nuôi một người con chung là Lê An N1.

Xét thấy, hai cháu Lê An N1 và Lê An N2 hiện đang ở chị N, các cháu đều đang còn nhỏ nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ; trong thời gian chị N và anh H sống ly thân với nhau các con ở với chị N thì các con vẫn được chăm sóc và phát triển bình thường. Mặt khác, hiện tại anh H không có nhà ở mà đang ở nhờ nhà họ hàng, làm nghề mổ heo và chở mũ cao su cho người khác nên không đủ điều kiện về thời gian, vật chất để đảm bảo việc chăm sóc con nhỏ. Do đó cần tiếp tục giao các cháu Lê An N1 và Lê An N2 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

*[5] Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét là phù hợp.

*[6] Về án phí:*

Chị Huỳnh Thị Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, khoản 4 điều 147, Điều 203; khoản 1 Điều 227, 228; các Điều 262, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 115, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Huỳnh Thị Thanh N:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Huỳnh Thị Thanh N được ly hôn với anh Lê Thanh H.

2. *Về con chung:*

Giao cho chị Huỳnh Thị Thanh N có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên là Lê An N1, sinh ngày 05/10/2016 và Lê An N2, sinh ngày 29/5/2018 cho đến khi thành niên.

Anh Lê Thanh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

### *3. Về án phí:*

Chị Huỳnh Thị Thanh N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 004570 ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Thuận. Chị Huỳnh Thị Thanh N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (25/8/2020). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

*(Đã giải thích quyền kháng cáo)*

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn L;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thị Mận**